

Bản án số: 269/2024/DS-PT

Ngày: 18-6-2024

V/v: Tranh chấp “hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: ông Hồ Văn Cường; ông Hà Chí Quốc.

Thư ký phiên tòa: ông Lâm Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 234/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1977; cư trú tại: Số C, Đường H, Khu phố B, Phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: chị Lâm Thị T, sinh năm 1990; anh Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ G, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; chị T có mặt, anh Đ vắng mặt.

3.. Người kháng cáo: chị Lâm Thị T – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Thành C trình bày:

Ngày 26-6-2023, vợ chồng chị T, anh Đ có vay của anh 1.300.000.000 (một tỷ ba trăm triệu) đồng để trả nợ tại ngân hàng B, Phòng G. Vợ chồng chị T, anh Đ cam kết sau khi trả nợ nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp tại ngân hàng về sẽ bán đất lấy tiền trả nợ cho anh. Tại thời điểm cho vay, hai bên có lập hợp đồng vay số

tiền 1.300.000.000 đồng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Gia T1, thời hạn trả nợ ngày 15-7-2023. Tuy nhiên từ khi vay tiền đến nay, anh đã nhiều lần yêu cầu chị T, anh Đặng t tiền nhưng không trả khoản nào.

Nay anh khởi kiện yêu cầu chị Lâm Thị T, anh Nguyễn Quốc Đ có nghĩa vụ trả cho anh số tiền gốc 1.300.000.000 đồng và tiền lãi 20%/năm tính từ ngày vay 26-6-2023 cho đến nay.

Bị đơn chị Lâm Thị T trình bày:

Vào ngày 26-6-2023, vợ chồng chị có vay của anh C số tiền 1.300.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, khi vay có lập hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia T1 và làm biên bản giao nhận tiền. Khi cho vay có thoả thuận bằng lời nói mức lãi suất cho vay là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (mức lãi 15%/tháng). Khoảng ngày 19, 20-7/2023 chị có vay tiền tại Ngân hàng V - Phòng G1 số tiền 1.100.000.000 đồng và trả cho anh C. Anh C có ghi giấy xác nhận. Khoảng tháng 8/2023, chị đã trả cho anh C số tiền nợ gốc còn lại là 200.000.000 đồng nhưng hai bên không làm giấy tờ. Ngoài ra, chị cũng trả cho anh C tiền lãi là 85.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ khoảng 270.000.000 đồng tiền lãi. Về giấy tờ đã trả nợ gốc, lãi cho anh C, do chị đang bị tạm giam nên chị sẽ yêu cầu anh Đặng t1 và nộp cho Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện: chị không đồng ý vì đã trả hết nợ gốc, chị chỉ đồng ý trả tiền lãi cho anh C theo lãi suất nhà nước quy định.

Bị đơn anh Nguyễn Quốc Đ trình bày:

Anh và chị T là vợ chồng, không có quan hệ họ hàng với anh C.

Ngày 26-6-2023, vợ chồng anh vay anh C số tiền 1.300.000.000 đồng, khi vay có làm hai giấy nợ đều ghi ngày 26/6/2023 có anh và chị T cùng ký tên, lăn tay nhận nợ, trong đó một giấy viết tay có chị T xác nhận đã nhận số tiền 1.300.000.000 đồng và một hợp đồng vay tài sản được Công chứng tại Văn phòng C1. Việc vay tiền do anh C và chị T thoả thuận trực tiếp với nhau nên anh không biết thoả thuận lãi suất là bao nhiêu. Sau khi vay tiền, chị T không đưa cho anh số tiền nào, chị T làm gì với số tiền trên thì anh không biết. Vợ chồng anh có trả ngân hàng B lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngân hàng về thì chị T làm thủ tục sang tên cho một mình anh đứng tên đối với thửa đất số 39, tờ bản đồ số 37 để anh đứng tên vay ngân hàng. Sau khi đứng tên chủ sử dụng đất thửa đất số 39, tờ bản đồ số 37, anh đã vay ngân hàng 1.750.000.000 đồng (không nhớ ngân hàng nào). Số tiền này chị T nhận và sử dụng nên anh không biết chị T dùng số tiền này để làm gì. Về số tiền 1.300.000.000 đồng vay của anh C, sau khi vay thì anh không trả cho anh C lần nào, anh cũng không nghe chị T nói gì về việc trả tiền cho anh C và anh C cũng không gặp anh lần nào để đòi tiền.

Hiện tại chị T đang bị tạm giam trong vụ án khác. Chị T có điện thoại về nói anh tìm giấy tờ và bản ghi âm trong điện thoại thể hiện chị T đã trả tiền cho anh C, nhưng gia đình anh đã tìm nhiều lần không thấy nên chưa cung cấp được cho Tòa án. Đến nay anh cũng không biết chị T đã trả cho anh C bao nhiêu tiền và còn nợ lại bao nhiêu.

Nay anh **C** khởi kiện yêu cầu anh và chị **T** trả số tiền vay 1.300.000.000 đồng và tiền lãi là 20%/năm tính từ ngày 26/6/2023 đến khi giải quyết xong vụ án thì anh đồng ý.

** Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu đã quyết định;*

Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc chị **T**, anh **Đặng t** cho anh **C** số tiền 1.300.000.000 đ và 100.750.000 đồng tiền lãi (tính 10%/ năm).

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 04/5/2024, chị **T** kháng cáo không đồng ý trả nợ cho anh **C**.

* Tại phiên tòa phúc thẩm: chị **T** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Phần tranh luận, chị **T** trình bày: chị thừa nhận vợ chồng chị có nợ anh **C** số tiền 1.300.000.000 đồng tiền vốn vay, trả làm 02 lần; lần 1, trả số tiền 1.100.000.000 đồng có làm giấy tờ; lần 2, trả số tiền 200.000.000 đồng không làm giấy tờ, hiện chị chỉ còn nợ tiền lãi là 270.000.000 đồng. Giấy nợ chị để ở nhà, chị có nhờ người điện cho anh **Đ** đem giấy trả nợ nộp cho Tòa án.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 308 của của Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện Kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị **T** kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh **C** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: anh **C** khởi kiện vợ chồng chị **T**, anh **Đ** yêu cầu trả số tiền vay 1.300.000.000 đồng và tính lãi kể từ ngày vay theo quy định của pháp luật. Chị **T** không đồng ý trả, chị cho rằng đã trả xong nợ chỉ còn tiền lãi.

[3] Xét kháng cáo của chị **T** thấy rằng:

[3.1] Về chứng cứ: chị **T**, thừa nhận vợ chồng chị có vay của anh **C** số tiền vay 1.300.000.000 đồng theo hợp đồng vay tài sản ngày 26-6-2023 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia T1 và Biên bản giao nhận tiền ngày 26-6-2023.

[3.2] Xét thời trình bày của chị **T** là chị đã trả cho anh **C** số tiền 1.300.000.000 đồng, chỉ còn nợ lãi, anh **C** không thừa nhận nhưng chị **T**, anh **Đ** cũng không đề xuất được chứng cứ trả nợ cho anh **C**. Lời trình bày của anh **Đ** “sau khi nghe chị **T** điện về kêu anh lấy chứng từ trả nợ anh **C** nộp cho Tòa án, anh và gia đình đã tìm nhiều lần nhưng không thấy”. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **C**; buộc chị **T**, anh **Đ** phải có nghĩa vụ trả cho anh **C** số tiền gốc là 1.300.000.000 đồng và số tiền lãi 09 tháng 09 ngày x 10%/năm = 100.750.000 đồng, tổng cộng gốc lãi thành tiền là 1.400.750.000 đồng là có căn cứ. Chị **T** kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử không chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên chị **T**, anh **Đ** phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 cụ thể:

Số tiền chị **T**, anh **Đ** phải có nghĩa vụ thanh toán là 1.400.750.000 đồng phải chịu án phí là 36.000.000 đồng + (600.750.000 đồng x 3%) = 54.022.500 đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên chị **T** phải chịu án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của chị **Lâm Thị T**;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 37/2024/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Nguyễn Thành C** về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với chị **Lâm Thị T**, anh **Nguyễn Quốc Đ**.

1.1. Buộc chị **Lâm Thị T**, anh **Nguyễn Quốc Đ** phải có nghĩa vụ trả cho anh **Nguyễn Thành C** số tiền 1.400.750.000 (một tỷ bốn trăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng; trong đó tiền gốc 1.300.000.000 đồng, tiền lãi 100.750.000 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05-4-2024) cho đến khi thi hành án xong bản án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị **Lâm Thị T**, anh **Nguyễn Quốc Đ** phải chịu 54.022.500 (năm mươi bốn triệu không trăm hai mươi hai nghìn năm trăm) đồng.

2.2. Anh **Nguyễn Thành C** không phải chịu. Hoàn trả cho anh **Nguyễn Thành C** 26.615.800 (hai mươi sáu triệu sáu trăm mười lăm nghìn tám trăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0007021 ngày 08-11-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí phúc thẩm dân sự: chị **Lâm Thị T** phải chịu số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị **T** đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0007691 ngày 06-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh; (chị **T** đã nộp đủ án phí).

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TPHCM;
- VKSNDCC tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Huyện DMC;
- CCTHADS huyện Huyện DMC;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tâm